TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2017
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Huề, ông Nguyễn Hữu Trọng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2017/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H,** sinh năm 1983

Nơi đăng ký HKTT: Đội 3, thôn Đ, xã T, huyện C, thành phố H; Chỗ ở hiện tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh H1; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Đức B, sinh năm 1975

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Đội 3, thôn Đ, xã T, huyện C, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và nội dung tự khai của Nguyên đơn - Chị Bùi Thị H trình bày: Chị H tự nguyện kết hôn với Anh Trịnh Đức B, có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 07/10/2014 tại UBND xã T, huyện C, thành phố H. Trong thời kỳ hôn nhân, do không hòa hợp nên phát sinh nhiều mâu thuẫn , bất đồng dẫn đến ly

thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn Anh B.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có sinh được một con chung là Trịnh Đức P, sinh ngày 27/4/2015, nhưng đã chết ngày 02/01/2017 nên không còn con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung.

2. Bị đơn – Anh Trịnh Đức B xác nhận và trình bày: Anh B xác nhận việc kết hôn với chị Bùi Thị H có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2014 tại UBND xã T, huyện C. Quá trình chung sống vợ chồng được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do Chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh B có nhiều lần khuyên bảo nhưng Chị H không sửa đổi, dẫn đến đánh, chửi nhau. Chị H tự ý bỏ đi từ ngày 17/02/2017, vợ chồng ly thân cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của Chị H, lúc đầu anh B không nhất trí ly hôn, sau anh thay đổi quan điểm nếu Chị H nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh B có yêu cầu chị H phải mang trả quyển sổ hộ khẩu cho gia đình anh trước khi ly hôn.

Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng sinh được một con chung là Trịnh Đức P (sinh ngày 27/4/2015) nhưng đã chết ngày 02/01/2017 nên không còn con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh B thống nhất ý kiến với chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung.

3. Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

3.1. Ý kiến của nguyên đơn: Chị Bùi Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống nữa nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn Anh Trịnh Đức B.

3.2. Ý kiến của bị đơn Anh Trịnh Đức B: Anh B thể hiện quan điểm trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt là nhất trí ly hôn với Chị H.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

***4.1. Về tố tụng**:*

- Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thụ lý vụ án và tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để xét xử vụ án theo hướng:

- Chấp nhận cho chị Bùi Thị H được ly hôn Anh Trịnh Đức B.

- Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trịnh Đức B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Trịnh Đức B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh B kết hôn từ năm 2014, có đăng ký tại UBND xã T (huyện C, thành phố H) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H và Anh B phát sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên giữ nguyên quan điểm xin ly hôn Anh B. Anh B xác nhận trong đơn xin xét xử vắng mặt là tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị H và Anh B có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa hợp và đã ly thân nên không thể có hạnh phúc ; Chấp nhận yêu cầu của Chị H được ly hôn Anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung : Chị H và anh B cùng xác nhận chỉ có một con chung nhưng đã chết nên không phải xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về t ài sản chung: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án , anh Trịnh Đức B có yêu cầu chị H phải trả gia đình anh quyển sổ hộ khẩu của hộ gia đình nhưng chị H khẳng định không giữ quyển sổ hộ khẩu này . Do sổ hộ khẩu không phải là tài sản hoặc giấy tờ về tài sản nên không phải đối tượng phải giải quyết trong vụ án dân sự . Trường hợp hộ gia đình bị mất sổ hộ khẩu thì làm thủ tục cấp lại theo quy định tại Điều 24 Luật cư trú năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và Điều 10 Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn Anh Trịnh Đức B.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ (*theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2819 ngày 01 tháng 06 năm 2017*).

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã T
  (trường hợp án có HLPL)
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Trường